

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 158/2024/HS-ST

Ngày 12-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị An

2. Bà Phí Thị Thanh Huyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Mai Thị Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Ông Lương Duy Hiền, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 155/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2024/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo: **Nguyễn Đức M**, sinh ngày 01/9/1990 tại Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ H, phường B, thành phố T, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Số nhà A, ngõ D, đường L, tổ B, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Quang T và bà Vũ Thị L; vợ, con: Chưa; nhân thân: Bản án số 18/2011/HSST ngày 28/01/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Nguyễn Đức M 02 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/01/2012, chấp hành xong án phí và trách nhiệm dân sự ngày 21/4/2011. Bản án số 159/2015/HSST, ngày 15/10/2015, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Nguyễn Đức M 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/9/2017, chấp hành xong án phí và tiền phạt ngày 19/5/2016; tiền

án: Bản án số 64/2019/HSST, ngày 07/5/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xử phạt Nguyễn Đức M 02 năm 09 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, phạt bổ sung 5.000.000 đồng, chấp hành xong hình phạt tù ngày 22/9/2021, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung; tiền sự: Không. Bị cáo tạm giữ từ ngày 29/5/2024 đến ngày 04/6/2024 chuyển tạm giam, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T, tỉnh Thái Bình (có mặt).

** Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Văn L1, sinh năm 1966; Nơi cư trú: Số nhà A, tổ I, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

2. Ông Đào Quang H, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 11 giờ 45 phút ngày 29/5/2024, Nguyễn Đức M đi xe ôm từ chỗ ở tại phường Đ, thành phố T đến khu vực B thành phố T thì xuống xe đi bộ một đoạn gặp và mua của 01 người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ 02 gói ma túy, loại Heroine với giá 400.000 đồng, M cất ma túy vào túi quần bên phải đang mặc rồi đi tìm chỗ để sử dụng. Đến khoảng 12 giờ 15 phút cùng ngày, khi M đang đi bộ ở đường Q, thuộc tổ F, phường T, thành phố T thì bị tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh T phát hiện. Tại đây, trước sự chứng kiến của ông Nguyễn Văn L1 và ông Đào Quang H, M tự giác lấy từ túi quần bên phải ra giao nộp cho tổ công tác 02 gói bên ngoài gói bằng giấy trắng kim loại màu vàng, bên trong chứa chất bột màu trắng dạng cục và khai nhận đó là H1 của M, cất giấu để sử dụng cho bản thân. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T tiến hành khám xét khẩn chỗ ở của Nguyễn Đức M tại số nhà A, ngõ D, đường L, tổ B, phường Đ, thành phố T nhưng không phát hiện, thu giữ gì.

Tại Kết luận giám định số 731/KL-KTHS(MT) ngày 03/6/2024 của Phòng K Công an tỉnh T kết luận: Mẫu vật quản lý của Nguyễn Đức M gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có khối lượng 0.3685 gam.

Cáo trạng số 162/CT-VKSTPTB ngày 27/8/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đức M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức M khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu; đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình vẫn giữ nguyên nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo mức án tù 01 năm 09 tháng đến 02 năm tù; áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy thu của bị cáo được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 731/KL-KTHS(MT) của Phòng K - Công an tỉnh T.

Bị cáo Nguyễn Đức M đồng ý với tội danh Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố, không trình bày lời bào chữa và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo Nguyễn Đức M nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức M khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12h15 phút ngày 25/6/2024 tại đường Q, khu vực tổ F phường T, thành phố T, tỉnh Thái Bình, Nguyễn Đức M có hành vi tàng trữ trái phép trên người 0,3685 gam ma túy, loại Heroin, mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của Nguyễn Đức M là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quy định quản lý chất gây nghiện của Nhà nước. Nghiện ma túy là tệ nạn đang được đấu tranh bài trừ ra

khỏi đời sống xã hội. Bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:...c) Heroin, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;...”*. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Đức M đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố bị cáo Nguyễn Đức M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Đức M phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5]. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung.

[6]. Khoản 5 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Do bị cáo đã từng bị xét xử về tội phạm ma túy nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung vào ngân sách Nhà nước.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất Nhà nước cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về nguồn gốc số ma túy bị cáo Nguyễn Đức M khai mua của một người 01 người nam giới, khoảng 40 tuổi nhưng không biết tên, địa chỉ tại khu vực Bến xe khách thành phố T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (29/5/2024).

2.2. Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Đức M 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức M còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì hoàn trả mẫu vật giám định số 731/KL-KTHS (MT) của Phòng K Công an tỉnh T.

(Vật chứng trên đã được chuyển đến Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình, thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/8/2024).

4. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Đức M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đức M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/9/2024).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan cảnh sát điều tra, Cơ quan THAHS Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Nhà tạm giữ/Trại tạm giam Công an TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Sở Tư pháp Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh

